

Bản án số: 129/2025/DS-PT

Ngày: 12/9/2025

V/v: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại
do sức khỏe bị xâm phạm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công

Ông Trần Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Ly - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông A T. Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Quảng Ngãi (thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum cũ). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: ông A T1. Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Quảng Ngãi (thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum cũ). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Đ. Địa chỉ: B L, phường T, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Nguyễn Duy H1. Địa chỉ: 9 P, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông A T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn trình bày:**

Ông A T bị thương tật 87% (chấn thương cột sống, gan vỡ C5-C6, di chứng liệt tứ chi) trong vụ tai nạn giao thông do ô tô mang biển kiểm soát số 81B-016.57 của Công ty TNHH MTV Đ gây ra tại thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 19/07/2018. Theo biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/10/2019 Công ty TNHH MTV Đ thỏa thuận đồng ý bồi thường cho ông A T số tiền 394.990.000 đồng được chi trả cho ông A T trong 02 lần:

Lần 1: Trước ngày 30/10/2019 chi trả 100.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/12/2019 chi trả 294.990.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Đ đã chi trả bồi thường đợt 1 số tiền 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận, còn lại số tiền 294.990.000 đồng vẫn chưa được chi trả đến ngày hôm nay. Đại diện gia đình và người được ủy quyền là ông A T1 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chi trả nhưng Công ty TNHH MTV Đ vẫn không thực hiện.

Hiện nay, ông A T trong tình trạng bị liệt, phải có người chăm sóc và trong quá trình điều trị mong phục hồi. Số tiền bồi thường nếu được chi trả kịp thời có thể giúp ông A T phục hồi tốt hơn trong giai đoạn đầu của tai nạn, nhưng điều đó không được Công ty TNHH MTV Đ thực hiện.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH MTV Đ phải chi trả số tiền bồi thường cho ông A T như sau:

- Tiền bồi thường còn lại chưa chi trả là 294.990.000 đồng (hai trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tiền chậm thanh toán bồi thường tạm tính từ ngày 05/12/2019 cho đến nay (tạm tính đến ngày 15/09/2024 là 1.953 ngày): $294.990.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 1.953 = 157.839.855 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bồi thường phải chi trả là 452.829.855 đồng (bốn trăm năm mươi hai triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông A T1 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữa các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông A T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A T, thừa nhận vào ngày 28-11-2019, Công ty TNHH MTV Đ có cử người là chị T3, anh K có mặt tại phiên tòa cùng với cán bộ Bảo hiểm B đến nơi cư trú của ông A T nêu ở trên để thăm hỏi và chi trả số tiền bồi thường sức khỏe còn lại là 294.990.000 đồng, nhưng gia đình sợ số tiền quá lớn không đảm bảo an toàn nên không nhận số tiền Công ty Đ giao mà đề nghị Công ty Đ đem về để ông A T1 nhờ luật sư xem lại các giấy tờ liên quan đến việc bồi thường rồi mới ký nhận và từ đó đến ngày khởi kiện nguyên đơn cũng chưa lần nào đến Công ty Đ gặp trực tiếp lãnh đạo Công ty để yêu cầu chi trả tiền bồi thường. Sau đó, ngày 28 tháng

08 năm 2024, Công ty Đ cũng có đến chi trả nhưng do lúc này nguyên đơn ông A T khởi kiện yêu cầu bồi thường, nên gia đình không nhận.

*** Bị đơn trình bày:**

Theo biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/10/2019 Công ty TNHH MTV Đ (sau đây được gọi tắt là: Công ty Đ) thỏa thuận đồng ý chi trả số tiền bồi thường 394.990.000 đồng cho ông A T và được chia làm 02 đợt. Đợt 1 Công ty đã chi trả số tiền 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận, số tiền còn lại 294.990.000 đồng Công ty khẳng định vào khoảng cuối tháng ngày 28-11-2019, Công ty Đ đã cử 2 cán bộ của công ty, và 1 cán bộ của đơn vị B mang theo số tiền 294.990.000 đồng đến tại nhà ông A T (tại địa chỉ nêu trên), để giao cho ông A T số tiền bồi thường theo văn bản thỏa thuận tại Tòa án. Tại đây, cán bộ Công ty đã gặp ông A T, ông A T1 (là em trai ông A T) và nhiều người thân khác của ông A T, cùng với sự có mặt của thôn phó nơi ông A T cư trú. Tuy nhiên, tại buổi làm việc này, gia đình ông A T nhất định từ chối không nhận số tiền 294.990.000 đồng này và nhất quyết yêu cầu Công ty Đ phải đưa thêm mới chịu nhận. Chúng tôi đã giải thích động viên rất nhiều và mong muốn ông A T nhận ngay số tiền này để chăm sóc sức khỏe, nhưng mọi cố gắng của Công ty Đ đều không được chấp nhận và chúng tôi buộc phải mang số tiền này quay về.

Tiếp sau đó, vào ngày 28 tháng 08 năm 2024, Công ty Đ tiếp tục cử 2 nhân viên mang theo số tiền 294.990.000 đồng đến tại nhà ông A T (ở địa chỉ nói trên) để giao cho ông A T. Tuy nhiên, gia đình ông A T tiếp tục từ chối nhận số tiền bồi thường theo thỏa thuận. Gia đình ông A T tiếp tục đòi bồi thường thêm hàng trăm triệu đồng tiền lãi, thì mới đồng ý nhận số tiền 294.990.000 đồng này. Lần này cũng có sự chứng kiến của nhiều thành viên trong gia đình ông A T và thôn phó phụ trách an ninh của thôn làng nơi ông A T cư trú. Do gia đình ông A T nhất quyết từ chối không nhận số tiền này, nên buộc lòng nhân viên Công ty phải mang số tiền này về để chờ đợi gia đình ông A T đến nhận.

Như vậy, trên thực tế Công ty Đ đã ngay lập tức thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bồi thường cho ông A T, ngay sau khi các bên đã thỏa thuận được tại Tòa án. Việc đến gặp trực tiếp ông A T và toàn thể gia đình ông A T để giao tiền đã diễn ra 02 lần, nhưng chính gia đình anh A T từ chối. Công ty Đ khẳng định không hề chậm trễ hay né tránh việc giao cho anh A T số tiền 294.990.000 đồng để bồi thường cho ông A T. Việc chưa giao được là do gia đình ông A T cố tình từ chối, dẫn đến Công ty Đ không thể giao được số tiền cho ông A T như đã thỏa thuận. Mỗi lần Công ty Đ đến gặp ông A T, chúng tôi đều tặng thêm tiền để động viên, hỗ trợ ông A T.

Do đó, ông A T khởi kiện Công ty TNHH MTV Đ là hoàn toàn sai sự thật, trái với pháp luật vì Công ty không vi phạm thời hạn thanh toán với ông A T. Việc khiếu kiện như vậy làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín thương hiệu và gây mất thời gian cho Công ty TNHH MTV Đ.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông A T, Công ty TNHH MTV Đ có ý kiến và đề nghị sau:

- Về số tiền 294.990.000 đồng mà Công ty Đ cam kết bồi thường cho ông A T, thì Công ty L mong muốn thực hiện, vì đã 2 lần đến giao mà không được. Công ty Đ đề nghị được giao cho gia đình ông A T ngay tại Tòa án, có sự chứng kiến của Tòa án và có văn bản xác nhận của Tòa án cùng với gia đình ông A T.

- Về tiền lãi: Công ty Đ đã nhiều lần chủ động đến gặp trực tiếp để giao cho ông A T số tiền bồi thường theo cam kết trong biên bản làm việc tại Tòa án. Tuy nhiên, vì gia đình ông A T từ chối nhận, nên mới không thể giao được. Điều đó có nghĩa là, Công ty Đ T2 không hề chậm trễ, không có lỗi gì đối với ông A T về thời hạn chi trả. Do vậy, Công ty Đ không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông A T. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện này của ông A T.

Tại phiên tòa Công ty TNHH MTV Đ trình bày trong quá trình đến nhà ông A T để giao tiền, ngoài 02 nhân viên của Công ty TNHH MTV Đ là ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị T3 còn có 01 nhân viên của đơn vị Bảo hiểm B là ông Trần Việt T4, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đưa ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị T3 và ông Trần Việt T4 là cán bộ Bảo hiểm Bảo M vào tham gia tố tụng là người làm chứng và tại phiên tòa ông Trần Văn U, bà Nguyễn Thị T3 và ông Trần Việt T4 đều có mặt.

*** Người làm chứng trình bày:**

- Ông Trần Văn U trình bày vào ngày 28-11-2019 ông cùng bà Nguyễn Thị T3, ông Trần Việt T4 mang số tiền 294.990.000 đồng đến nhà ông A T tại thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum) để giao cho ông A T số tiền bồi thường theo thỏa thuận tại Tòa án. Tại đây, ông cùng bà T3, ông T4 đã gặp ông A T, ông A T1 (là em trai ông A T) và nhiều người thân khác của ông A T, cùng với sự có mặt của ông thôn phó nơi ông A T cư trú. Tuy nhiên, tại buổi làm việc này gia đình ông A T nhiều lần từ chối, không nhận số tiền 294.990.000 đồng và nhất quyết yêu cầu Công ty Đ phải đưa thêm tiền mới nhận. Khi đó, tôi và những người đi cùng động viên ông A T nhận tiền để chăm sóc sức khỏe, nhưng ông A T và các thành viên trong gia đình vẫn không chấp nhận nên chúng tôi phải mang số tiền này về P, Gia Lai. Ngoài ra, ngày 28 tháng 08 năm 2024, Công ty Đ tiếp tục cử tôi và bà T3 đến nhà ông A T để chi trả số tiền 294.990.000 đồng nhưng gia đình ông A T nhất quyết yêu cầu Công ty Đ phải đưa thêm tiền mới nhận.

- Bà Nguyễn Thị T3 trình bày thống nhất như lời trình bày của ông Trần Văn U vì hôm đó bà cũng là thành viên trong đoàn đến nhà ông A T để chi trả số tiền 294.990.000 đồng bồi thường sức khỏe theo thỏa thuận tại Tòa án.

- Ông Trần Việt T4 trình bày vào ngày 28-11-2019 ông cùng đại diện Công ty Đ đến nhà ông A T tại thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum) để giao cho ông A T số tiền bồi thường theo thỏa thuận tại Tòa án. Tuy nhiên, tại buổi làm việc này ông A T và gia đình nhiều lần từ chối, không nhận số tiền 294.990.000 đồng và nhất quyết yêu cầu Công ty Đ phải đưa thêm tiền mới chịu nhận. Ông Trần Văn U và Nguyễn Thị T3 đã giải thích, động viên rất nhiều và mong muốn ông A T nhận ngay số tiền này để chăm sóc, bồi dưỡng sức

khỏe nhưng ông A T và các thành viên gia đình không chấp nhận nên các cán bộ nhà xe Đ1 phải mang số tiền này trở về P, Gia Lai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Gia Lai đã quyết định:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A T.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Đ phải chi trả cho ông A T số tiền bồi thường về sức khỏe là 294.990.000 đồng (*hai trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*) .

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Về kháng cáo:** Ngày 07/7/2025 nguyên đơn ông A T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm về nội dung buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất chậm thanh toán cho ông A T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm: Công nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty TNHH MTV Đ hỗ trợ thêm cho nguyên đơn ông A T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*); Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A T về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền phải bồi thường là 294.990.000 đồng, với số tiền lãi là 157.839.855 đồng. Các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại Bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền phải bồi thường là 294.990.000 đồng, với số tiền lãi là 157.839.855 đồng.

Thấy rằng: Ngày 19/07/2018 ông A T bị thương tật 87% (chấn thương cột sống, gan vỡ C5-C6, di chứng liệt tứ chi) trong vụ tai nạn giao thông do ô tô mang biển kiểm soát số 81B-016.57 của Công ty TNHH MTV Đ gây ra tại thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận trong Biên bản làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/10/2019 với nội dung: Công ty TNHH MTV Đ có trách nhiệm chi trả số tiền bồi thường về sức khỏe là 394.990.000 đồng và được chi trả cho ông A T trong 02 lần: Lần 1 trước ngày 30/10/2019 chi trả 100.000.000 đồng; Lần 2: ngày 05/12/2019 chi trả 294.990.000 đồng. Bị đơn đã chi trả số tiền 100.000.000 đồng cho nguyên đơn đã nhận. Còn số tiền 294.990.000 đồng bị đơn chi trả cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không nhận.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 28-11-2019 Công ty Đ có đến nhà của nguyên đơn ông A T để chi trả số tiền 294.990.000 đồng nhưng vì lý do gia đình không có nơi cất giữ số tiền lớn, sợ mất cắp và yêu cầu Công ty Đ đem về để liên lạc sau, từ đó đến ngày khởi kiện nguyên đơn không liên lạc với bị đơn để nhận tiền. Tiếp đến ngày 28/8/2024 bị đơn lại đến nhà nguyên đơn để trả tiền nhưng nguyên đơn không nhận với lý do là nguyên đơn đã đi khởi kiện bị đơn. Việc này được nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm và cũng phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng ông U, ông T4 và bà T3 có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, không có căn cứ thể hiện việc bị đơn chậm trễ trong việc thanh toán nên kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ pháp lý. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Tại phiên Tòa bị đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng. Việc hỗ trợ thêm là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án công nhận sự tự nguyện hỗ trợ này.

[5] Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán tiền bồi thường, nhưng không tuyên trong phần Quyết định của Bản án là thiếu sót, cần sửa lại và bổ sung cho đúng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông A T.
Sửa bản án số: 54/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Gia Lai.
Cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 77, 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 275, 278, 584, 585, 590 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d, đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A T.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Đ phải chi trả cho ông A T số tiền bồi thường về sức khỏe là 294.990.000 đồng (*hai trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Công nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty TNHH MTV Đ hỗ trợ thêm cho nguyên đơn ông A T số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A T về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền phải bồi thường là 294.990.000 đồng, với số tiền lãi là 157.839.855 đồng.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Đ phải chịu 14.749.500 đồng (*mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông A T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông A T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông A T số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000986 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND KV 7- Gia Lai;
- Phòng THADS KV 7- Gia Lai;
- Thi hành án tỉnh Gia Lai.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng